

Bản án số: 17/2023/HNGĐ - ST

Ngày 14/8/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Đông và bà Nguyễn Kim Thoa

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh T. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ma Văn L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh T. (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị S và anh Ma Văn L qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C (nay là huyện L), tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 12/9/2016. Vợ chồng anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng gia đình nhà chồng ở thôn B, xã M, huyện L, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh L ham chơi không vun vén hạnh phúc gia đình, chị S nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã,

thậm chí xảy ra xô xát, anh L có hành vi đánh chị S 02 lần (vào tháng 4/2023 và tháng 5/2023). Anh chị tuy chung sống nhưng về mặt tình cảm và quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Đến đầu tháng 6/2023 thì chị S và con (cháu Ma Văn T) đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị S ở xã K, huyện C, tỉnh T. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S yêu cầu được ly hôn với anh Ma Văn L.

- Về con chung: Có 02 con là Ma Văn H, sinh ngày 07/7/2004 và Ma Văn T, sinh ngày 22/8/2016, nay ly hôn chị S đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Văn T, do cháu là người bị bệnh hở hàm ếch thường xuyên phải lo chữa trị bệnh, chị S đã đón cháu về ở cùng chị S từ tháng 6 năm 2023. Chị S không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với cháu Ma Văn H, hiện nay đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Văn L đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (anh L đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị S, cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Ma Văn L; về con chung: Giao cháu Ma Văn T, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Đối với con chung là Ma Văn H, sinh ngày 07/7/2004 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề cập xem xét; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn với lý do là hộ

nghèo và có đơn xin miễn án phí; anh L không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Ma Văn L; Anh Ma Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã M, huyện L, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Theo cung cấp của Công an xã M, huyện L, tỉnh T, trưởng thôn B và ông Ma Văn T1 (bố đẻ của anh L) thì anh Ma Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã M, huyện L, tỉnh T. Anh L đi làm ăn xa tại TP. H nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ anh L đang ở đâu, làm gì, lần gần nhất anh L có mặt tại địa phương là khoảng đầu tháng 6 năm 2023. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh L đến Tòa án để làm việc nhưng anh L vắng mặt không có lý do, anh L đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xác định là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Ma Văn L vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị S và anh Ma Văn L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (trước đây là huyện C), tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 12/9/2016. Sau khi kết hôn chị S và anh L chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn B, xã M, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, chị S nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, thậm chí xảy ra xô xát, anh L đã 02 lần có hành vi đánh chị S (vào tháng 4/2023 và tháng 5/2023). Chị S xác định về mặt tình cảm và quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Đến đầu tháng 6/2023 thì chị S và con (cháu Ma Văn T) đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị S ở xã K, huyện C, tỉnh T, chị S xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ma Văn L.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh L đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 05/7/2023 (BL. 52- 53) thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã phát sinh từ giữa năm 2022, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ, thiếu sự tin tưởng, nhiều lần xảy ra cãi vã, thậm chí đánh đập nhau, dẫn tới vợ chồng đã chấm dứt về mặt tình cảm và quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2022 đến nay; cho đến đầu tháng 6 năm 2023 anh chị đã không ở cùng nhau nữa, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị S, cho chị S được ly hôn anh Ma Văn L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị S và anh L có 02 con là 02 con là Ma Văn H, sinh ngày 07/7/2004 và Ma Văn T, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay con chung là Ma Văn H đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị S không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S xác nhận cháu Ma Văn T là người bị bệnh hở hàm ếch thường xuyên phải lo chữa trị bệnh và đã đón cháu về ở cùng chị S từ tháng 6 năm 2023 nên khi ly hôn chị S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy đề nghị nuôi con của chị S là phù hợp với thực tế, chị S có nghề nghiệp là công nhân, mức thu nhập trung bình 7.500.000đ/tháng là đảm bảo về khả năng nuôi dưỡng con, ngoài ra cháu T bị bệnh đã được chị S đón về ở cùng chị S kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay; Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Ma Văn T cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Ma Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Ma Văn L không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị S.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Ma Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Văn T, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Ma Văn L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã M (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Đông

Nguyễn Kim Thoa

Dương Văn Tiến